

# ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI LAN RỪNG Ở ĐẢO LẠI SƠN VÀ ĐẢO NAM DU THUỘC TỈNH KIÊN GIANG

Trần Tú Trinh<sup>1</sup>, Hồ Thị Phi Yên<sup>1</sup> và Đặng Minh Quân<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Học viên cao học, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

<sup>2</sup>Bộ môn Sinh học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: Đặng Minh Quân, Email: dmquan@ctu.edu.vn

## Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 28/9/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 29/10/2023; Ngày duyệt đăng: 31/10/2023

## Tóm tắt

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng đa dạng về thành phần loài lan rừng ở đảo Lại Sơn và đảo Nam Du tỉnh Kiên Giang, làm cơ sở khoa học cho việc khai thác, sử dụng, quản lý và bảo tồn nguồn tài nguyên lan rừng ở hai đảo này có hiệu quả hơn. Các phương pháp được sử dụng bao gồm phương pháp phỏng vấn có sự tham gia của cộng đồng; điều tra thực địa; so sánh hình thái để phân loại, kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về họ Lan (Orchidaceae). Kết quả nghiên cứu đã xác định được 31 loài thuộc 18 chi của họ Lan, trong đó, đảo Lại Sơn có 22 loài thuộc 15 chi và đảo Nam Du có 18 loài thuộc 12 chi. Dạng sống của các loài lan rừng khá đa dạng nhưng chủ yếu vẫn là phong lan chiếm 64,52% tổng số loài. Tất cả các loài đều phân bố trong sinh cảnh rừng tự nhiên trên núi đá, chỉ có 12 loài được người dân địa phương gây trồng trong sinh cảnh vườn nhà. Có 30 loài đã xác định được yếu tố địa lý, phần lớn chúng có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Á. Giá trị sử dụng của các lan rừng cũng đã được xác định với 22 loài được sử dụng làm cảnh, trong số đó có 4 loài làm thuốc. Tất cả các loài lan rừng thu được đều nằm trong nhóm IIA của Nghị định 84/2021/NĐ-CP, chỉ có một loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007) ở mức nguy cấp (EN).

**Từ khóa:** Dạng sống, đa dạng, đảo Lại Sơn và đảo Nam Du, lan rừng, sinh cảnh, yếu tố địa lý.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.2.2024.1228>

Trích dẫn: Trần, T. T., Hồ, T. P. Y., & Đặng, M. Q. (2024). Đa dạng thành phần loài lan rừng ở đảo Lại Sơn và đảo Nam Du thuộc tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(2), 3-12. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.2.2024.1228>.  
Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **WILD ORCHID DIVERSITY IN LAI SON AND NAM DU ISLANDS IN KIEN GIANG PROVINCE**

**Tran Tu Trinh<sup>1</sup>, Ho Thi Phi Yen<sup>1</sup>, and Dang Minh Quan<sup>2\*</sup>**

<sup>1</sup>*Post-graduate, College of Natural sciences, Can Tho University, Vietnam*

<sup>2</sup>*Department of Biology, School of Education, Can Tho University, Vietnam*

*\*Corresponding author: Dang Minh Quan, Email: dmquan@ctu.edu.vn*

### **Article history**

*Received: 28/9/2023; Received in revised form: 29/10/2023; Accepted: 31/10/2023*

### **Abstract**

*This study assessed the diversity of wild orchid species composition in Lai Son and Nam Du islands, Kien Giang province, a scientific basis for more effectively exploiting, using, managing and conservating wild orchid resources in these islands. This study used PRA (Participatory Rural Appraisal), field investigation, morphological comparison and classification, with the aid of specialized orchid books. The results showed that a total of 31 species of orchids belonging to 18 genera of the Orchidaceae. Of which, Lai Son island had 22 species of 15 genera and Nam Du island had 18 species of 12 genera. The life forms of wild orchids were quite diverse, but mainly epiphyte orchids accounting for 64.52% species. All species were distributed in natural forest on rocky mountain biotope, only 12 species were grown by local people in home garden biotope. There were 30 species with identified geographical factors, most of them originating from tropical Asian countries. The use value of wild orchids was also determined with 22 species used as ornamental plants, of which 4 were medicinal. All collected wild orchid species were in group IIA of Decree 84/2021/ND-CP, only one species was in the Vietnam Red Book (2007) at the endangered level (EN).*

**Keywords:** *Biotope, diversity, geographical factor, Lai Son and Nam Du islands, life form, wild orchids.*

## 1. Giới thiệu

Họ Lan (Orchidaceae) có thành phần loài đa dạng nhất trong hệ thực vật Việt Nam, với khoảng 864 loài thuộc 154 chi đã được định tên (Nguyễn, 2005), trong đó, nhiều loài có giá trị kinh tế cao và nhiều loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng cần được bảo tồn (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007). Phần lớn các loài lan được trồng hiện nay có nguồn gốc từ tự nhiên, được người dân thu thập từ rừng về gây trồng, thuần hóa và lai tạo, số còn lại là các loài lan nhập nội (Trần, 1998). Lan là loại cây được nhiều người ưa chuộng, sưu tầm để trồng làm cảnh, do chúng rất đa dạng về hình dáng cây, màu sắc hoa và có thể trồng trong những khoảng không gian khác nhau, thích hợp cho cả gia đình sống ở thành thị và nông thôn, dễ trang trí và chăm sóc. Do đó, việc trồng lan ngày càng phát triển và phổ biến rộng rãi, người chơi lan ngày càng nhiều, tiềm năng khai thác lan rừng phục vụ phát triển kinh tế xã hội là rất lớn. Ngoài ra, việc nghiên cứu phát hiện và công bố các loài lan mới cho khoa học cũng giúp góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thực vật của Việt Nam và thế giới (Dang & cs., 2021, 2022, 2023).

Lại Sơn và Nam Du là hai đảo lớn có dân cư sinh sống thuộc tỉnh Kiên Giang. Do nằm trong vịnh Thái lan, trong vùng cận xích đạo, có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm và mưa nhiều nên có hệ thực vật rừng rất đa dạng và phong phú, trong đó có nhiều loài lan rừng. Vì nằm cách xa đất liền (cách trung tâm thành phố Rạch Giá từ 65 – 90 km), điều kiện đi lại còn nhiều khó khăn, nên những nghiên cứu về nguồn tài nguyên thực vật tại hai đảo này rất hiếm, mới chỉ có nghiên cứu về cây làm thuốc (Đặng & cs., 2018; Dang & Nguyen, 2022) mà chưa có các nghiên cứu chuyên sâu về các nhóm giá trị sử dụng khác của thực vật. Các loài lan rừng ở hai đảo này khá đa dạng, có giá trị kinh tế cao nhưng chưa có những nghiên cứu chuyên sâu về thành phần loài, giá trị sử dụng và giá trị kinh tế của chúng. Hiện nay, nhiều người dân địa phương thu hái lan từ rừng về bán cho khách du lịch mà địa phương không có chính sách gây trồng hoặc bảo tồn, đặc biệt là các loài lan rừng quý hiếm. Mặt khác, hệ thực vật và hệ sinh thái rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du hiện nay đang chịu tác động rất lớn từ sự phát triển thiếu kiểm soát của các loại hình dịch vụ du lịch, nhiều loài thực vật bị khai thác phục vụ nhu cầu của khách du lịch như lấy gỗ, làm rau ăn, làm cảnh... đặc biệt là nguồn tài nguyên lan rừng tự nhiên đang ngày một bị suy thoái, nhiều loài lan rừng

đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng, trong khi sự tái sinh của chúng trong môi trường tự nhiên lại rất chậm và khó có khả năng hồi phục. Chính vì vậy, việc điều tra, đánh giá thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên lan rừng hiện có ở hai đảo này là rất cần thiết nhằm cung cấp cho người dân những tri thức hữu ích về việc khai thác, sử dụng và bảo tồn có hiệu quả hơn nguồn tài nguyên lan rừng, góp phần trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân địa phương.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Điều tra cộng đồng

Phương pháp phỏng vấn có sự tham gia của cộng đồng - PRA (Nguyễn & Nico, 2009) được sử dụng để điều tra, phỏng vấn những người dân địa phương có nhiều kinh nghiệm trong việc khai thác, gây trồng các loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du, từ đó có thể xác định được sơ bộ vị trí phân bố, sinh cảnh, thành phần loài, giá trị sử dụng của một số loài lan rừng có ở hai đảo này.

### 2.2. Điều tra thực địa và thu thập các mẫu lan rừng

Nghiên cứu này đã áp dụng phương pháp của Nguyễn (2007) trong việc điều tra thực địa và thu thập mẫu cây theo tuyến và theo sinh cảnh. Dựa vào bản đồ quy hoạch sử dụng đất của tỉnh Kiên Giang (Ủy ban Nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, 2022), Google map, đặc điểm phân bố của họ Lan, đã xác định được 8 tuyến cần điều tra thu mẫu ở 2 đảo (mỗi đảo 4 tuyến), chi tiết được trình bày trong Bảng 1. Số lượng mẫu lan rừng thu thập được trong quá trình điều tra thực địa ở hai đảo là 107 mẫu. Các mẫu này hiện được lưu giữ tại Phòng thí nghiệm thực vật, Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ.

### 2.3. Xác định tên khoa học, dạng sống và yếu tố địa lý thực vật của các loài lan rừng

Tên khoa học của các loài lan rừng được xác định bằng phương pháp so sánh hình thái, kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về họ Lan. Nghiên cứu này đã sử dụng các tài liệu của Trần (1998), Averyanov & Averyanov (2003), Phạm (2003), Nguyễn (2005) và Dương (2007) trong việc phân loại, xác định tên khoa học, dạng sống và sự phân bố địa lý của các loài lan thu được. Việc chỉnh sửa và cập nhật tên khoa học và tên tác giả của các loài lan rừng được tiến hành theo các công bố của Kew science (<https://wesp.science.kew.org>). Cách phân chia các yếu tố địa lý thực vật dựa theo Nguyễn (2004).

**Bảng 1. Các tuyến, tọa độ và sinh cảnh thu mẫu ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du**

STT	Tuyến thu mẫu	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối	Độ dài tuyến	Sinh cảnh thu mẫu	Địa điểm
1	Tuyến 1: Tuyến đường xuyên núi (từ Đồn Biên phòng đến bãi Bắc)	9°47'57.55"N 104°37'34.44"E	9°47'2.11"N 104°38'39.81"E	4,2 km	Rừng tự nhiên trên núi đá	Lại Sơn
2	Tuyến 2: Đường lên đỉnh núi Mai Thiên Lãnh	9°47'47.37"N 104°38'39.70"E	9°48'40.05"N 104°39'22.42"E	2,3 km	Rừng tự nhiên trên núi đá	
3	Tuyến 3: Tuyến đường ven biển (từ nhà nghỉ Hoàng Anh đến bãi Bắc)	9°47'53.41"N 104°37'24.79"E	9°49'8.69"N 104°38'35.31"E	6,2 km	Vườn nhà và rừng dừa	
4	Tuyến 4: Tuyến ven triền núi phía Đông đảo Lại Sơn	9°48'30.42"N 104°37'4.77"E	9°49'11.27"N 104°38'22.62"E	2,8 km	Rừng tự nhiên trên núi đá, rừng Tràm hương	
5	Tuyến 5: Tuyến đường vòng quanh đảo Nam Du	9°41'38.65"N 104°21'30.84"E	9°41'17.91"N 104°21'9.96"E	9,4 km	Vườn nhà và rừng dừa	Đảo Nam Du
6	Tuyến 6: Từ Trường tiểu học An Sơn đến Hải đăng Nam Du	9°42'15.74"N 104°21'29.09"E	9°40'43.81"N 104°21'6.16"E	3,7 km	Rừng tự nhiên trên núi đá	
7	Tuyến 7: Ven triền núi áp An Cư	9°40'33.08"N 104°21'28.18"E	9°39'42.84"N 104°21'35.07"E	1,6 km	Rừng tự nhiên trên núi đá	
8	Tuyến 8: Ven biển áp Bãi Ngang	9°41'35.52"N 104°21'20.58"E	9°40'25.73"N 104°20'51.16"E	3,5 km	Rừng ngập mặn, vườn nhà	

**2.4. Xác định mức độ tương đồng về thành phần loài lan rừng ở hai đảo**

Sử dụng công thức tính Sorensen để phân tích sự tương đồng về thành phần loài giữa 2 khu vực nghiên cứu:  $S=2c/(a+b)$ . Trong đó, S là chỉ số Sorensen, nhận giá trị từ 0 đến 1; a: là số loài của khu vực nghiên cứu A; b: là số loài của khu vực nghiên cứu B; c: là số loài chung nhau của 2 khu vực nghiên cứu A và B (Nguyễn, 2007).

**2.5. Xác định giá trị sử dụng và tình trạng bảo tồn của các loài lan rừng**

Giá trị sử dụng của các loài lan rừng thu được ở hai đảo được xác định dựa vào tri thức bản địa từ quá trình phỏng vấn người dân địa phương, đồng thời kết

hợp tra cứu các tài liệu có liên quan đến tài nguyên thực vật của Trần (1998), Nguyễn (2005), Dương (2007), Đỗ (2015) và Võ (2018).

Tình trạng bảo tồn của các loài lan rừng được đánh giá theo “Sách đỏ Việt Nam - Phần II: Thực vật” (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007) và Nghị định 84/2021/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ.

**3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

**3.1. Đa dạng về thành phần loài lan rừng**

Kết quả phân tích và chụp ảnh các mẫu lan rừng ngoài thực địa và trong phòng thí nghiệm đã xác định được 31 loài thuộc 18 chi của họ Lan (Orchidaceae). Trong đó, đảo Lại Sơn có 22 loài thuộc 15 chi và đảo Nam Du có 18 loài thuộc 12 chi (Bảng 2).

**Bảng 2. Danh lục các loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du**

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	Yếu tố địa lí	Giá trị sử dụng	Sinh cảnh	Lại Sơn	Nam Du
1	<i>Acampe carinata</i> (Griff.) Panigrahi.	A cam sóng	Pl	4.2	Ca	Rtn, Vn		x
2	<i>Acampe praemorsa</i> var. <i>longepedunculata</i> (Trimen) Govaerts	A cam cứng	Pl	4	Th, Ca	Rtn, Vn	x	x
3	<i>Agrostophyllum planicaule</i> (Wall. ex Lindl.) Reichb. f. in Walp.	Xích hủ thân dẹp	Pl	4.3	Ca	Rtn	x	
4	<i>Apostasia nuda</i> R. Br.	Cỏ lan trần	Đl	4.1		Rtn	x	x
5	<i>Bulbophyllum gunnarii</i> Aver.	Lan lọng đồng	Đl, Tl	6	Ca	Rtn		x

6	<i>Bulbophyllum lepidum</i> (Bl.) J.J. Smith	Cầu diệp thanh	Pl, Tl	4.1	Ca	Rtn	x	
7	<i>Bulbophyllum macranthum</i> Lindl.	Cầu diệp hoa to	Pl	4.1	Ca	Rtn, Vn	x	
8	<i>Bulbophyllum rufinum</i> Reichb.f.	Cầu diệp cáo	Pl	4.1	Ca	Rtn	x	x
9	<i>Bulbophyllum stenobulbon</i> E.C.Parish & Rchb.f.	Cầu diệp đỉnh vàng cam	Pl	4.4		Rtn		x
10	<i>Calanthe rubens</i> Ridl.	Kiều hoa đỏ (Bầu rượu xuân)	Đl	4.1	Ca	Rtn, Vn	x	
11	<i>Coelogyne trinervis</i> Lindl.	Thanh đạm ba gân	Pl, Tl	4.1	Ca	Rtn		x
12	<i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw.	Lan kiếm	Pl	4	Th, Ca	Rtn, Vn	x	
13	<i>Cymbidium finlaysonianum</i> Lindl.	Đoàn kiếm finlayson	Pl	4.1	Ca	Rtn, Vn	x	x
14	<i>Dendrobium acerosum</i> Lindl.	Hoàng thảo lá kim	Pl	4.1		Rtn		x
15	<i>Dendrobium bilobulatum</i> Seidenf.	Phiếm đôn hai thùy	Pl	4.1	Ca	Rtn, Vn	x	x
16	<i>Dendrobium concinnum</i> Miq.	Hoàng thảo côn xin	Pl	4.1	Ca	Rtn	x	
17	<i>Dendrobium crumenatum</i> Sw.	Bạch cầu (Tuyệt mai)	Pl	4	Th, Ca	Rtn, Vn	x	x
18	<i>Doritis pulcherrima</i> Lindl.	Hồng tuyến	Đl, Tl	4	Ca	Rtn		x
19	<i>Eria lasiopetala</i> (Willd.) Ormerod	Ni lan lông trắng	Pl	4	Ca	Rtn		x
20	<i>Ludisia discolor</i> (Ker Gawl.) A.Rich.	Lan lá gấm (Lan gấm, Thạch tâm)	Đl	4.1	Th, Ca	Rtn, Vn	x	
21	<i>Luisia antennifera</i> Blume	Lụi nhện	Pl	4.1	Ca	Rtn, Vn	x	
22	<i>Luisia brachystachys</i> (Lindl.) Blume	Lụi chùm ngắn (Lan san hô)	Pl	4.2		Rtn	x	x
23	<i>Malaxis callophylla</i> (Reichb.f.) Kuentze	Ái lan mỹ diệp	Đl	4.1	Ca	Rtn	x	
24	<i>Malaxis ophrydis</i> (Koenig) Ormerod	Ái lan lá rộng	Đl	3.1	Ca	Rtn		x
25	<i>Micropera pallida</i> Roxb. ex Lindl.	Vi túi tái	Pl	4		Rtn	x	
26	<i>Oncidium</i> sp.	Vũ nữ	Pl		Ca	Rtn, Vn	x	
27	<i>Podochilus khasianus</i> Hook. f.	Túc thiệt	Pl	4.4		Rtn		x
28	<i>Podochilus microphyllus</i> Lindl.	Túc thiệt lá nhỏ	Pl, Tl	4.1		Rtn	x	x
29	<i>Porpax ehwesii</i> (Reichb. f.) Rolfe	Bốc bạch	Pl, Tl	4.1		Rtn	x	x
30	<i>Pteroceras teres</i> (Blume) Holtt.	Dực giác tròn	Pl	4,3	Ca	Rtn, Vn	x	
31	<i>Trichotosia gracilis</i> (Hook.f.) Kraenzl	Mao hoa mảnh	Pl	4.1		Rtn	x	

Ghi chú: Pl: Phong lan; Đl: Địa lan; Tl: Thạch lan; 3.1: Cổ nhiệt đới Á – Úc, 4: Nhiệt đới châu Á, 4.1: Đông Dương – Malaysia, 4.2: Đông Dương - Ấn Độ, 4.3: Đông Dương - Himalaya, 4.4: Đông Dương – Nam Trung Quốc; Ca: cây làm cảnh, Th: cây làm thuốc; Rtn: Rừng tự nhiên trên núi đá, Vn: Vườn nhà.

Trong số 31 loài lan rừng khảo được ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du, có 3 loài là Lan lọng đồng (*Bulbophyllum gunnarii*), Ái lan mỹ điệp (*Malaxis callophylla*) và Mao hoa mảnh (*Trichotosia gracilis*) chưa có tên trong các tài liệu của Trần (1998), Phạm

(2003), Nguyễn (2005). Tuy nhiên, 3 loài này đều đã được ghi nhận ở vườn quốc gia Phú Quốc (Đặng & Đặng, 2016; Đặng & cs., 2017). Riêng loài Lan lọng đồng (*B. gunnarii*) đã được Averyanov công bố là loài mới cho khoa học (Averyanov, 2005).



Lan lọng đồng (*B. gunnarii*)<sup>(1)</sup>

Ái lan mỹ điệp (*M. callophylla*)<sup>(2)</sup>

Mao hoa mảnh (*T. gracilis*)<sup>(3)</sup>

**Hình 1. Ba loài lan được ghi nhận ở các đảo Nam Du(1), Lại Sơn(2,3) và Phú Quốc(1,2,3)**

Về đa dạng loài ở bậc chi, kết quả nghiên cứu đã xác định được, có 11 chi chỉ có 1 loài, 4 chi có 2 loài, 1 chi có 3 loài, 1 chi có 4 loài và 1 chi có 5 loài. Hai chi có số lượng loài lan nhiều nhất họ Lan trong khu vực nghiên cứu là *Bulbophyllum* (Cầu điệp) với 5 loài chiếm 16,13% số loài và *Dendrobium* (Hoàng thảo) có 4 loài chiếm 12,90% số loài. Đây cũng là hai chi lớn nhất trong họ Lan với các loài phân bố rộng ở các vùng rừng núi nhiệt đới (Trần, 1998; Nguyễn, 2005), điển hình như Cầu điệp thanh (*Bulbophyllum lepidum*), Cầu điệp cáo (*Bulbophyllum rufinum*), Cầu điệp hoa to (*Bulbophyllum macranthum*), Bạch cầu (*Dendrobium crumenatum*), Hoàng thảo côn xin (*Dendrobium concinnum*)...

So với thành phần loài lan rừng ở đảo Phú Quốc gồm 125 loài thuộc 59 chi (Đặng & cs., 2017), thì thành phần loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du ít hơn nhiều. Do tổng diện tích rừng ở cả hai đảo Lại Sơn và Nam Du chỉ bằng 4,46% diện tích rừng ở đảo Phú Quốc, ngoài ra đảo Phú Quốc có nhiều sinh cảnh rừng đa dạng hơn, đặc biệt là còn những khu rừng nguyên sinh trong phạm vi vườn quốc gia Phú Quốc được bảo vệ nghiêm ngặt, ít bị tác động nên

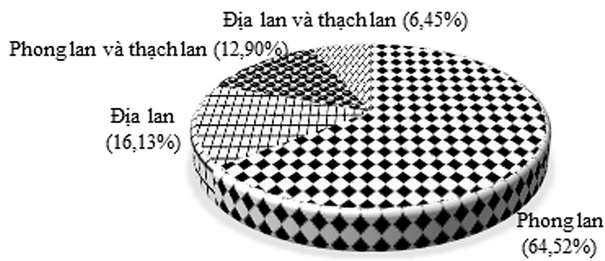
thành phần loài lan rừng rất đa dạng và phong phú (Đặng & Đặng, 2016).

Nghiên cứu cũng đã xác định được chỉ số tương đồng Sorensen về thành phần loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du là 0,45. Như vậy, độ tương đồng về thành phần loài lan rừng giữa hai đảo này đạt mức trung bình khi có 45% số loài giống nhau (Nguyễn, 2007). Sự giống nhau về một số loài lan rừng giữa hai đảo có thể lý giải là do điều kiện tự nhiên của hai đảo này khá tương đồng và gần gũi nhau (cách nhau 33,4 km), đều nằm trong vịnh Thái Lan, trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa và rừng đều thuộc kiểu rừng tự nhiên (thường xanh) trên núi đá với độ cao thấp (dưới 450 m) nên có một số loài lan rừng thích nghi và phát triển tốt trong điều kiện này như A cam cứng (*Acampe praemorsa* var. *longepedunculata*), Bạch cầu (*D. crumenatum*), Cầu điệp cáo (*B. rufinum*), Túc thiệt lá nhỏ (*Podochilus microphyllus*)...

### 3.2. Đa dạng về dạng sống

Dạng sống của các loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du khá đa dạng, một loài có thể có một hoặc hai dạng sống khác nhau, tỉ lệ các nhóm dạng sống của các loài lan rừng được thể hiện ở Hình 2.

Hình 2 cho thấy, nhóm dạng sống phong lan có số lượng loài nhiều nhất với 20 loài chiếm tới 64,52% tổng số loài khảo sát được ở cả hai đảo, nhóm này gồm các loài lan rừng sống bám vào các cây gỗ lớn trong rừng; kế tiếp là nhóm địa lan có 5 loài chiếm 16,13% số loài, nhóm này thường mọc trên đất có tầng thảm mục ẩm hoặc đất thịt dưới tán rừng; nhóm dạng sống phong lan và thạch lan có 4 loài chiếm 12,90% số loài; thấp nhất là nhóm địa lan và thạch lan chỉ có 2 loài chiếm 6,45% số loài. Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm về dạng sống của các loài thuộc họ Lan là phong lan luôn chiếm ưu thế so với các dạng sống còn lại (Trần, 1998; Nguyễn, 2005). Kết quả này cũng hoàn toàn phù hợp với kết quả nghiên cứu về lan rừng ở vườn quốc gia Phú Quốc, trong đó nhóm Phong lan chiếm tới 65,6% tổng số loài (Đặng & cs., 2017).



Hình 2. Tỷ lệ các dạng sống của các loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du

### 3.3. Sự phân bố của các loài lan rừng theo sinh cảnh

Kết quả nghiên cứu thực địa cho thấy, tất cả 31 loài lan rừng thu được ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du đều phân bố trong sinh cảnh rừng tự nhiên trên núi đá, ở độ cao từ 130 - 450 m. Các loài này thường sống phụ sinh trên các loài cây gỗ (phong lan), trên các tán đá ẩm (thạch lan) hay trên các lớp đất mùn ẩm dưới tán rừng (địa lan). Trong đó, có 12 loài đã được người dân địa phương thu hái mang về nhà gây trồng, nhân giống để làm cảnh, làm thuốc và kinh doanh.

### 3.4. Đa dạng về yếu tố địa lí thực vật

Căn cứ vào khung phân chia các yếu tố địa lí của Nguyễn (2004), nghiên cứu đã xác định được nguồn gốc và sự phân bố của 30 loài lan rừng trong tổng số 31 loài khảo sát được tại hai đảo chiếm tỉ lệ 96,77% số loài. Căn cứ trên số lượng loài đã xác định được, yếu tố địa lí của các loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du được thiết lập trong Bảng 3.

Bảng 3. Yếu tố địa lí thực vật của các loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du

Tên yếu tố địa lí	Kí hiệu	Số loài	Tỉ lệ %
Thế giới		1	0,00
Nhiệt đới		2	93,55
<i>Liên nhiệt đới (Á - Úc - Mỹ)</i>	3.1	0	0,00
<i>Cổ nhiệt đới (nhiệt đới Á - Úc)</i>	4	1	3,23
<i>Nhiệt đới châu Á</i>	4.1	28	90,32
Yếu tố nhiệt đới châu Á	4.2	6	19,35
Đông Dương - Malaysia	4.3	16	51,61
Đông Dương - Ấn Độ	4.4	2	6,45
Đông Dương - Hymalaya	5	2	6,45
Đông Dương - Nam Trung Quốc	6	2	6,45
Ôn đới	x	0	0,00
Đặc hữu Việt Nam		1	3,23
Chưa xác định		1	3,23
<b>Tổng</b>		<b>31</b>	<b>100</b>

Bảng 3 cho thấy, trong số 30 loài lan rừng xác định được yếu tố địa lí thực vật, chỉ có 1 loài đặc hữu Việt Nam đó là loài Lan lọng đồng (*B. gunnarii*), còn 29 loài còn lại đều thuộc yếu tố nhiệt đới chiếm 93,55% tổng số loài lan rừng khảo sát được ở hai đảo. Không có loài nào thuộc yếu tố thế giới hay yếu tố ôn đới. Trong nhóm các yếu tố nhiệt đới thì nhóm nhiệt đới châu Á có số lượng loài nhiều nhất với 28 loài chiếm 90,32% số loài. Yếu tố cổ nhiệt đới chỉ có 1 loài chiếm 3,23% số loài, đó là Ái lan lá rộng (*Malaxis ophrydis*), loài này mọc trên đất có tầng thảm mục ẩm dưới các tán rừng ở độ cao trên 200 m.

Nếu xét riêng từng yếu tố địa lí thì yếu tố Đông Dương - Malaysia (4.1) có số lượng loài nhiều nhất với 16 loài, chiếm 51,61% số loài, tiếp theo là yếu tố nhiệt đới châu Á (4) với 6 loài chiếm 19,35% số loài. Các yếu tố Đông Dương - Ấn Độ (4.2), Đông Dương - Hymalaya (4.3) và Đông Dương - Nam Trung Quốc (4.4) đều có 2 loài chiếm 6,45% số loài. Điều này cho thấy, thành phần loài lan rừng có ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du có nguồn gốc chủ yếu từ một số nước nhiệt đới châu Á như Malaysia, Indonesia, Philippin, Ấn Độ, Nepal, Thái Lan, Campuchia, Lào, Nam Trung Quốc.

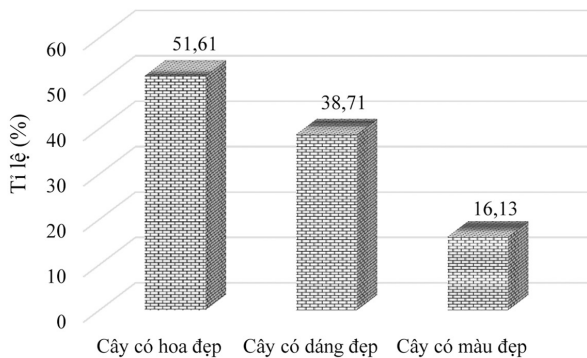
### 3.5. Đa dạng về giá trị sử dụng

Kết quả phỏng vấn 72 hộ dân sống ở 2 đảo (gồm 35 hộ sống ở đảo Lại Sơn và 37 hộ sống ở đảo Nam Du), kết hợp với điều tra thực địa và tra cứu các tài liệu chuyên ngành về họ Lan và tài nguyên thực vật Việt Nam, đề tài đã xác định được giá trị sử dụng

của 22 loài lan rừng chiếm tỉ lệ 70,97% số loài khảo sát được. Trong đó, một loài có thể có một hoặc hai công dụng. Còn 9 loài chưa ghi nhận được giá trị sử dụng chiếm 29,03% số loài. Trong 22 loài xác định được giá trị sử dụng thì tất cả đều có công dụng làm cảnh, chỉ có 5 loài được người dân địa phương khai thác về trồng vừa làm cảnh vừa làm thuốc.

### 3.5.1. Giá trị làm cảnh

Kết quả phỏng vấn người dân về 22 loài lan rừng được khai thác làm cảnh cho thấy, người dân ở 2 đảo này đã dựa vào đặc điểm về hình thái, màu sắc cây, hoa để chia lan rừng thành 3 nhóm đặc điểm, trong đó, một số loài có thể mang đặc điểm của một, hai hay cả ba nhóm. Chi tiết về tỉ lệ từng nhóm đặc điểm hình thái, màu sắc của các loài lan rừng được thể hiện trong Hình 3.



**Hình 3. Tỉ lệ các nhóm đặc điểm hình thái, màu sắc cây, hoa của các loài lan rừng**

Hình 3 cho thấy, để khai thác các loài lan rừng về trồng, nhân giống và kinh doanh, người dân thường chọn những loài lan rừng có hoa đẹp chiếm tới 51,61% số loài. Đây là những loài lan có hình thái hoa đẹp như Kiều hoa đỏ (*Calanthe rubens*), Lụi nhện (*Luisia antennifera*); hình thái hoa lạ như Bạch câu (*D. crumenatum*), Cầu diệp thanh (*B. lepidum*); hoặc màu hoa đẹp như Cầu diệp hoa to (*B. macranthum*), Hồng tuyến (*Doritis pulcherrima*); hoặc hoa thơm như Thanh đạm ba gân (*Coelogyne trinervis*), Dực giác tròn (*Pteroceras teres*); hoa đẹp và nở lâu tàn như Lan kiếm (*Cymbidium aloifolium*), Đoàn kiếm finlayson (*Cymbidium finlaysonianum*) (Hình 4).

Nhóm loài lan rừng có dáng đẹp hoặc dáng lạ so với những loài lan lai cũng được nhiều người dân địa phương khai thác làm cảnh chiếm tỉ lệ 38,71% số loài. Các loài này thường có dáng đẹp với thân bò

hoặc leo khá dài như A cam sóng (*Acampe carinata*), A cam cứng (*A. praemorsa* var. *longepedunculata*); hoặc giả hành có hình đẹp như Bàu rượu xuân (*C. rubens*); hoặc lá có hình dáng lạ (hình dao, hình kiếm) như Phiếm đờn hai thùy (*Dendrobium bilobulatum*), Hoàng thảo côn xin (*D. concinnum*); hoặc cả thân và lá đều hình trụ làm thành bụi như Lụi nhện (*L. antennifera*).

Ngoài ra, các loài lan rừng mà thân, lá có màu sắc đẹp cũng được người dân khai thác làm cảnh, điển hình như: Hồng tuyến (*D. pulcherrima*), Lan lọng đồng (*B. gunnarii*) có giả hành và lá đều màu tím; Cầu diệp cáo (*B. rufinum*) có giả hành vàng xanh; Lan lá gấm (*Ludisia discolor*) có lá màu nâu tím óng ánh, vân trắng hình mạng rất đặc sắc; Ái lan mỹ diệp (*M. callophylla*) với toàn cây có màu nâu tím.

### 3.5.2. Giá trị làm thuốc

Từ kết quả phỏng vấn người dân ở 2 đảo, kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây thuốc của Đỗ (2015), Võ (2018), đã xác định được 4 loài lan rừng có giá trị làm thuốc. Trong đó, A cam cứng (*A. praemorsa* var. *longepedunculata*) và Lan kiếm (*C. aloifolium*) dùng chữa trị các tổn thương do té ngã, gãy chân tay, trật khớp, đau gân; Bạch câu (*D. crumenatum*) làm thuốc bổ, mát, chữa đau lưng, động kinh; Lan lá gấm (*L. discolor*) chữa lao phổi khạc ra máu, thần kinh suy nhược.

## 3.6. Đa dạng về nguồn gen quý hiếm

Việc xác định các loài lan nguy cấp là rất quan trọng trong công tác bảo tồn nguồn gen và phát triển bền vững nguồn tài nguyên lan rừng. Từ kết quả nghiên cứu, đã xác định được các 31 loài lan rừng đều thuộc nhóm IIA của Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ (Các loài thực vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại). Chỉ có 1 loài có tên trong “Sách Đỏ Việt Nam” (2007) ở cấp độ nguy cấp (EN) là Phiếm đờn hai thùy (*D. bilobulatum*). Loài này được tìm thấy ở cả 2 đảo Lại Sơn và Nam Du, tuy nhiên, số lượng cá thể trong tự nhiên rất ít, số hộ có nhân trồng loài này ở 2 đảo cũng không nhiều (chỉ khảo sát thấy 3 hộ trồng làm cảnh với 5 bụi nhỏ, khoảng 15 – 20 cá thể). Chính vì vậy, loài này có nguy cơ bị tuyệt chủng ở trên 2 đảo này nếu không có những giải pháp bảo tồn hiệu quả.





A cam cứng (*A. praemorsa* var. *longepedunculata*)

Lan kiếm (*C. aloifolium*)

Bạch câu (*D. crumenatum*)

**Hình 4. Một số loài lan rừng có giá trị làm thuốc**



**Hình 5. Phiêm đờn hai thù (*D. bilobulatum*)**

#### **4. Kết luận và kiến nghị**

##### **Kết luận**

Thành phần loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du rất đa dạng với 31 loài thuộc 18 chi, trong đó, đảo Lại Sơn có thành phần chi, loài đa dạng hơn so với đảo Nam Du. Phần lớn các loài lan rừng thu được là phong lan, chúng sống trong các sinh cảnh rừng tự nhiên trên núi đá, một số loài được gây trồng tại vườn nhà để làm cảnh, làm thuốc. Các loài lan rừng này có nguồn gốc chủ yếu từ các nước nhiệt đới châu Á. Có 22 loài được dùng làm cảnh, trong số này có 4 loài còn được dùng làm thuốc. Tất cả

các loài lan rừng thu được ở hai đảo này đều thuộc nhóm IIA của Nghị định 84/2021/NĐ-CP, chỉ có 01 loài có tên trong “Sách đỏ Việt Nam” (2007) ở mức nguy cấp với số lượng cá thể còn rất ít, cần có chính sách ưu tiên bảo tồn.

##### **Kiến nghị**

Từ kết quả điều tra thực địa cho thấy, một số loài lan rừng ở hai đảo Lại Sơn và Nam Du được nhiều người dân hiện đang khai thác để làm cảnh, làm thuốc và bán cho khách du lịch như Bạch câu (*D. crumenatum*), A cam cứng (*A. praemorsa* var. *longepedunculata*), Đuôi kiếm finlayson (*Cymbidium finlaysonianum*). Do đó, kiến nghị chính quyền địa phương cần có giải pháp quản lý việc khai thác lan rừng, đồng thời, có chính sách nghiên cứu nhân giống, gây trồng phục vụ kinh tế địa phương.

##### **Tài liệu tham khảo**

- Averyanova, A.L. (2005). New orchids from Vietnam. *Rheedea*, 15(2): 1-19.
- Averyanov, L., & Averyanova, A.L. (2003). *Updated Checklist of the Orchids of Vietnam*. Hanoi: Vietnam National University Publishing House.
- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2007). *Sách đỏ Việt Nam - Phần II: Thực vật*. Hà Nội: NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
- Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2021). Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày

- 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp (Số 84/2021/NĐ-CP). Hà Nội.
- Dang, M. Q., Averyanov, L. V., Maisak, T. V., Bui, V. H., Dang, V. S., Truong, Q. T., & Truong, B. V. (2021). New taxa of *Bulbophyllum* (Orchidaceae) in the flora of Vietnam. *Taiwania*, 66(2), 258-266. <https://doi.org/10.6165/tai.2021.66.258>.
- Dang, M. Q., Averyanov, L. V., Dang, V. S., Maisak, T. V., Bui, V. H., Tu, B. N., Nguyen, V. C., & Truong, B. V. (2022). A new species, *Bulbophyllum phanquyetii* and a new national record of *B. tianguui* (Orchidaceae) from the limestone area of northern Vietnam. *Phytotaxa*, 566(2), 227-232. <https://doi.org/10.11646/phytotaxa.566.2.7>.
- Dang, M. Q., & Nguyen, T. H. P. (2022). Diversity of medicinal plant resources in Lai Son island, Kien Giang province. *Can Tho University Journal of Science*, 14(CBA), 51-60. <https://doi.org/10.22144/ctu.jen.2022.028>.
- Dang, M. Q., Averyanov, L. V., Maisak, T. V., Nguyen, Q. B., Bui, V. H., Tu, B. N., Nguyen, V. C., & Truong, B. V. (2023). *Bulbophyllum sondangii* (Orchidaceae), a new species from Da Lat Plateau, southern Vietnam. *Phytotaxa*, 589(2), 203–208. <https://doi.org/10.11646/phytotaxa.589.2.8>.
- Dương, Đ. H. (2007). *Thực vật chí Việt Nam (Họ Lan - Orchidaceae)*. Hà Nội: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Đặng, M. Q., & Đặng, V. S. (2016). *Sách chuyên khảo - Đa dạng hệ thực vật và hệ sinh thái rừng ở Vườn quốc gia Phú Quốc*. Thành phố Cần Thơ: NXB Đại học Cần Thơ.
- Đặng, M. Q., Truong, M. P., Nguyễn, T. P., & Trần, M. K. (2018). Đa dạng nguồn tài nguyên cây làm thuốc ở đảo Nam Du tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Tự nhiên và Công nghệ*, 34, 105-115.
- Đặng, V. S., Truong, B. V., Nguyễn, T. M. H., Hoàng, N. S., Mai, T., Nguyễn, H. Q., & Lê, M. D. (2017). Đa dạng họ Lan (Orchidaceae) ở Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 12(12): 24–31.
- Đỗ, T. L. (2015). *Những cây làm thuốc và vị thuốc Việt Nam (Có sửa chữa bổ sung)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học và NXB Thời đại.
- Nguyễn, T. B. (chủ biên). (2005). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Tập 3)*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn, D. C., & Nico, V. (2009). *PRA - Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn, N. T. (2004). *Hệ sinh thái rừng nhiệt đới (Tropical Forest Ecosystems)*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, N. T. (2007). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm, H. H. (2003). *Cây cỏ Việt Nam - An Illustrated flora of Vietnam (Quyển III)*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.
- Trần, H. (1998). *Phong lan Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Nông nghiệp.
- Ủy ban Nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (2022). Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu (năm 2022) huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.
- Võ, V. C. (2018). *Từ điển cây thuốc Việt Nam, tái bản lần thứ 1 (Tập 1, 2)*. Hà Nội: NXB Y học. <https://wcsp.science.kew.org> (Accesses: 07/9/2023).